guài zuì

怪罪

verb · to blame

Example Sentences

bù yào guài zuì bié rén xiān xiǎng xiǎng zì jǐ de wèn tí
不要怪罪别人，先想想自己的问题。

Don't blame others; first think about your own problems.

tā yīn wèi chí dào bèi lǎo bǎn guài zuì le
他因为迟到被老板怪罪了。

He was blamed by the boss for being late.

Trace each character, then write the word on your own.

怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪 怪

罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪 罪

罪 罪 罪 罪 罪